

Bản án số: **92/2021/HNGĐ-ST**
Ngày: 22/9/2021
V/v “**Ly hôn**”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Phụng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Kim Tân

2. Ông Phạm Quang Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Tuấn Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Dung.

Ngày 22 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: **306/2021/TLST-HNGĐ** ngày 05 tháng 5 năm 2021 về việc “**Ly hôn, tranh chấp nuôi con**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **109/2021/QĐXXST-HNGĐ** ngày 02 tháng 7 năm 2021; Thông báo dời thời gian hoãn phiên tòa số **139/2021/QĐST-HNGĐ** ngày 15 tháng 7 năm 2021; Thông báo dời thời gian hoãn phiên tòa (Lần 2) số: **179/2021/QĐST-HNGĐ** ngày 07 tháng 9 năm 2021; giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị Thu S**, sinh năm 1989 (Vắng mặt).

*** Bị đơn: Anh Hoàng S1**, sinh năm 1989 (Vắng mặt).

Cùng trú tại: ấp BT, xã XP, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/4/2021, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Đoàn Thị Thu S trình bày:**

Chị và anh Hoàng S1 tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2014 tại UBND xã XP, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc cho đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh S1 không

chăm lo làm ăn, tụ tập bạn bè ăn nhậu, thiếu trách nhiệm gia đình từ đó dẫn đến bất đồng trong vợ chồng và anh S1 đánh đập chị. Kéo dài đến tháng 02/2020 chị nhận thấy không thể chung sống với anh S1 nữa nên chị dọn ra ngoài sống riêng, vợ chồng ly thân từ thời gian đó. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh S1 cũng không có thiện chí hòa giải hàn gắn đoàn tụ vợ chồng nên chị có yêu cầu được ly hôn với anh S1.

Vợ chồng chung sống có 02 con chung là các cháu Hoàng Ngọc Bảo T, sinh ngày 09/9/2014 và cháu Hoàng Ngọc Khánh V, sinh ngày 28/10/2016. Sau khi ly hôn chị yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng các cháu đến tuổi trưởng thành, chị không yêu cầu anh S1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: chị khai không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Hoàng S1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc. Tuy nhiên, tại biên bản lấy lời khai em trai anh S1 anh Hoàng H ngày 03/6/2021 anh thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng anh S1 và chị S đúng như chị S đã khai, anh S1 có biết việc chị S đưa đơn xin ly hôn ra Tòa án nhưng anh S1 không đồng ý đến Tòa làm việc mặc dù các giấy triệu tập của Tòa án anh nhận có giao lại cho anh S1, Hiện anh S1 và chị S không còn sống chung từ đầu năm 2020.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án.**

1/ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời gian chuẩn bị xét xử:

- Về thẩm quyền thụ lý vụ án: Tòa án đã thực hiện đúng quy định.

- Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn chị Đoàn Thị Thu S khởi kiện tranh chấp ly hôn và yêu cầu nuôi con chung nên xác định quan hệ pháp luật là: ***“Ly hôn, tranh chấp nuôi con”***

- Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn có đơn yêu cầu xin ly hôn với bị đơn có hộ khẩu thường trú tại ấp BT, xã XP, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, quy định tại khoản 1, Điều 35 và khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về tư cách tố tụng: Chị S có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh S1, xác định chị S là nguyên đơn, anh S1 là bị đơn là đúng theo quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Thời hạn chuẩn bị xét xử, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn gửi hồ sơ viện kiểm sát, tổng đạt các văn bản tố tụng, xác minh, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

2/ Về việc tuân theo pháp luật của HĐXX và thư ký tại phiên tòa: Thực hiện đúng quy định.

3/ Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án: đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

4/ Về ý kiến giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: chị S và anh S1 chung sống từ năm 2014 có đăng ký kết hôn theo quy định. Chị S cho rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng do tính tình không hợp, thường xuyên cãi, anh S1 thiếu sự quan tâm, thường xuyên tụ tập bên ngoài ăn chơi, bạo lực gia đình. Tình cảm ngày một rạn nứt kéo dài đến năm 2020 cả hai không còn quan tâm lẫn nhau, chị S dọn ra sống riêng. Nay chị S có yêu cầu ly hôn anh S1 anh biết nhưng không có thiện chí để hòa giải. Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh S1 nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, không có lời trình bày, chị S cũng đã có đơn không tiến hành hòa giải. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho chị S được ly hôn với anh S1 là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Ngoài ra em trai anh S1 anh Hoàng H cũng thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng anh S1 và chị S đúng như chị S đã khai, anh S1 có biết việc chị S đưa đơn xin ly hôn ra Tòa án nhưng anh S1 không đồng ý đến Tòa làm việc. Hiện anh S1 và chị S không còn sống chung với nhau.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là các cháu Hoàng Ngọc Bảo T, sinh ngày 09/9/201 và cháu Hoàng Ngọc Khánh V, sinh ngày 28/10/2016. Sau ly hôn chị S có nguyện vọng nuôi dưỡng các cháu và không yêu cầu anh S1 đóng góp phí tổn nuôi con. Thiết nghĩ hiện các con đang do chị S nuôi dưỡng, anh S1 cũng không có ý kiến gì nên giao các cháu cho chị S nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động là hợp lý. Chị S không yêu cầu anh S1 đóng góp phí tổn nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: bị đơn không có lời trình bày gì nên không xem xét giải quyết.

Bởi các lẽ trên: Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Đoàn Thị Thu S, chị S được ly hôn với anh Hoàng S1.

Về con chung: giao các cháu Hoàng Ngọc Bảo T, sinh ngày 09/9/2014 và cháu Hoàng Ngọc Khánh V, sinh ngày 28/10/2016 cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Tạm miễn nghĩa vụ đóng góp phí tổn nuôi con cho anh S1.

Về tài sản chung và nợ chung: không giải quyết.

5/ Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng: chị Đoàn Thị Thu S có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị S là phù hợp với quy

định tại Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Hoàng S1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh S1 theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Đoàn Thị Thu S khởi kiện xin ly hôn với anh Hoàng S1, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: **“Ly hôn, tranh chấp nuôi con”**, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai theo khoản 1 Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án: Chị Đoàn Thị Thu S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn đối với anh Hoàng S1. Xét yêu cầu khởi kiện của chị S Hội đồng xét xử nhận định:

Chị Đoàn Thị Thu S và anh Hoàng S1 tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2014 tại UBND xã XP, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai, nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Đến năm 2019 vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh S1 không chăm lo làm ăn, tụ tập bạn bè ăn nhậu, thiếu trách nhiệm gia đình từ đó dẫn đến bất đồng trong vợ chồng dẫn đến việc anh S1 đánh đập chị S. Kéo dài đến tháng 02/2020 chị S nhận thấy không thể chung sống với anh S1 nữa nên chị dọn ra ngoài sống riêng vợ chồng ly thân từ thời gian đó. Nay chị S nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh S1 cũng không có thiện chí hòa giải hàn gắn đoàn tụ vợ chồng nên chị S có yêu cầu được ly hôn với anh Sơn.

Xét cuộc hôn nhân giữa chị S và anh S1 tình cảm không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó chấp nhận cho chị Đoàn Thị Thu S được ly hôn với anh Hoàng S1 là phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[4] Về con chung: Giao các cháu Hoàng Ngọc Bảo T, sinh ngày 09/9/2014 và cháu Hoàng Ngọc Khánh V, sinh ngày 28/10/2016 cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Hiện chị S không yêu cầu anh S1 cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: chị S không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về nợ chung: chị S khai không có.

[7] Về án phí: áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Chị Đoàn Thị Thu S phải nộp 300.000đ(Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

[8] Xét quan điểm đại diện Viện kiểm sát: là phù hợp chứng cứ đã thu thập, quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 36, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điểm b, Khoản 2, Điều 227, Điều 271,

Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị Thu S đối với anh Hoàng S1 về việc **“Ly hôn, tranh chấp nuôi con”**. Cho chị Đoàn Thị Thu S được ly hôn với anh Hoàng S1.

2. Về con chung: Giao các cháu Hoàng Ngọc Bảo T, sinh ngày 09/9/2014 và cháu Hoàng Ngọc Khánh V, sinh ngày 28/10/2016 cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Hiện chị S không yêu cầu anh S1 cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết

Anh Hoàng S1 được quyền qua lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Khi cần thiết, chị S và anh S1 được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không giải quyết.

4. Về án phí: chị Đoàn Thị Thu S phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí chị S đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc theo biên lai thu số 0004958 ngày 15/4/2021 được tính trừ vào án phí.

Chị Đoàn Thị Thu S, anh Hoàng S1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Xuân Lộc;
- Chi cục THADS huyện Xuân Lộc;
- UBND xã XP;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Kim Phượng